TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Công Gia**
2. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Đại** – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Chu Thị P**, sinh năm 1959.

Cư trú tại: 55, Tổ 6, Ấp P1, xã P2, T, Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1960 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968.

Cùng trú tại: 64/2, Tổ 2 (nay là tổ 10), Ấp P1 (nay là ấp P3), xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bà L ủy quyền cho ông Đ đại diện tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại "Đơn khởi kiện"ghi ngày 21/7/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị P trình bày:

Do có quan hệ quen biết (ông Đ là trưởng ấp) và có bán bảo hiểm Dai – Ichi nên bà có mua bảo hiểm nhân thọ của ông Đ. Vào ngày 01/9/2016, ông Đ vào nhà bà lấy tiền bảo hiểm với số tiền mua bảo hiểm là 21.461.000đ. Do lúc đó bà đóng tiền bảo hiểm xong và ông Đ thấy bà còn có tiền dư ra nên ông Đ có vay của bà số tiền 7.000.000đ. Đến ngày 04/9/2016, ông Đ có điện thoại

cho bà để đặt vấn đề vay tiền của bà nên bà đồng ý cho ông Đ mượn. Cũng trong ngày 04/9/2016, ông Đ đến nhà để mượn số tiền 17.000.000đ. Các lần vay tiền thì hai bên không lập giấy tờ biên nhận việc vay tiền. Lúc đó chỉ có con trai bà là Võ Chu Quốc Anh chứng kiến, ngoài ra không có ai khác chứng kiến.

Khi vay ông Đ chỉ hứa là sẽ thanh toán tiền lãi cho bà chứ không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Hai bên không thỏa thuận rõ thời hạn thanh toán mà ông Đ chỉ nói mượn đỡ khoảng 01 tháng và khi nào bà cần tiền thì báo cho ông Đ thì ông Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho bà.

Đến ngày 24/10/2016, bà có gọi điện và nhắn tin yêu cầu ông Đ thanh toán nhưng ông Đ chỉ trả lời điện thoại 01 lần và nói "Chị mượn tạm tiền đâu đó dùm em chứ em chưa có tiền". Đến ngày 07/12/2016, bà cũng có nhắn tin đòi tiền nhưng ông Đ không trả lời. Sau đó gọi điện, nhắn tin nhiều lần nhưng ông Đ không bắt máy và cũng không trả lời tin nhắn của bà. Nên bà đã trực tiếp vào nhà ông Đ để yêu cầu thanh toán. Các lần vào nhà đều gặp ông Đ và bà L (vợ ông Đ). Ông Đ và bà L có hứa hẹn nhiều lần nhưng không chịu thanh toán. Các lần bà vào đòi tiền chỉ có bà, con trai bà là Võ Chu Quốc Anh và gia đình ông Đ. Chỉ có 01 lần là có mặt ông Nguyễn Xuân Hoàng – Phó ấp P1 tại thời điểm đó và ông Hoàng có chứng kiến việc bà đòi nợ.

Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng không thanh toán nên vào ngày 15/01/2017, bà L hứa hẹn đến tháng 3/2017 sẽ thanh toán. Ngoài ra có 01 lần vào đòi tiền và gặp ông Đ, bà L thì ông Đ, bà L nói là khất qua tết sẽ thanh toán (cuộc nói chuyện trên thì bà có ghi âm lại bằng điện thoại của con trai bà). Căn cứ vào lời hứa của bà L vào ngày 15/01/2017 nên ngày 22/01/2017 bà có lập giấy nhận nợ viết tay và đưa cho bà L ký tên xác nhận vào giấy. Giấy trên do bà trực tiếp viết sẵn ở nhà, bà L trực tiếp ghi rõ "Em L cuối tháng 3 trả tiền cho chị P" và ký tên vào giấy. Bà L hứa đến cuối tháng 3/2017 sẽ trả tiền nhưng ông Đ và bà L vẫn không thanh toán như đã hứa.

Bà có khiếu nại đến UBND xã P2 về việc ông Đ, bà L thiếu tiền của bà. Sau đó bà L thừa nhận có ký nhận nhưng ông Đ không cho trả và ông Đ còn thách thức bà yêu cầu cơ quan nhà nước giải quyết. Do đó các bên vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc.

Nay bà yêu cầu ông Vũ Văn Đ và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 24.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày bà L hẹn trả nợ cho bà là cuối tháng 3 đến ngày xét xử vụ án ngày hôm nay. Ngoài ra bà có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Văn Đ trình bày ý kiến như sau:

Ông là người cùng ấp với bà Chu Thị P (ông là trưởng ấp P1 từ năm 2012 đến cuối năm 2017) và ông có bán bảo hiểm nhân thọ Dai – Ichi cho bà P. Vào khoảng đầu tháng 9/2016 (còn ngày cụ thể thì ông không nhớ), ông có vào nhà bà P thu tiền bảo hiểm với số tiền 21.461.000đ. Việc thu tiền bảo hiểm ông có lập biên lai thu tiền và giao biên lai thu cho bà P.

Ngoài ra, ông không thỏa thuận vay tài sản gì với bà P.

Vào khoảng đầu tháng 6/2017, ông được biết là bà P có tố cáo ông đến UBND xã P2 về việc ông nợ số tiền 24.000.000đ nhưng không thanh toán. Tại UBND xã P2, bà P xuất trình giấy nhận nợ có chữ ký, chữ viết của vợ ông là bà Nguyễn Thị L. Ông thừa nhận chữ viết "Em L cuối tháng 3 trả tiền cho chị P" và chữ ký trên giấy nhận nợ mà bà P cung cấp cho Tòa án là do vợ ông là Nguyễn Thị L trực tiếp viết và ký. Vợ ông không biết việc ông có mượn tiền của bà P hay không mà chỉ nghe bà P nói là ông nợ tiền của bà P với số tiền 24.000.000đ và nhờ ký xác nhận vào giấy nên vợ ông đã đồng ý ký. Còn việc bà P khai báo thường xuyên vào nhà ông đòi nợ, việc ông Nguyễn Xuân Hoàng (Phó ấp P1 tại thời điểm đó) chứng kiến việc bà P đòi nợ ông và việc ông, vợ ông khất nợ bà P là không đúng sự thật.

Nay bà P yêu cầu vợ chồng ông phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 24.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý chấp nhận. Vì ông không nợ nần gì đối với bà P cả.

Với tư cách đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị P buộc ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà P số tiền số gốc 24.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày bà L hứa trả trả nợ cho bà P (cuối tháng ba) cho đến ngày xét xử tại phiên tòa hôm nay.

+ Ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 26/7/2017, Tòa án nhân dân huyện T nhận đơn khởi kiện của bà Chu Thị P về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú: 64/2, Tổ 2 (nay là tổ 10), Ấp P1 (nay là ấp Phú Tân), xã P2, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Ngày 21/7/2017, bà P có đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bà P yêu cầu ông Đ, bà L trả số tiền vay gốc 24.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Bà Chu Thị P làm đơn khởi kiện ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L nên xác định bà P là nguyên đơn, ông Đ, bà L là bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà Chu Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ là 24.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà P cung cấp giấy nhận nợ *"Vào ngày 01.9.2016 ông Vũ Văn Đ có vào nhà tôi Chu Thị P, để lấy tiền đóng bảo hiểm nhân thọ Đai Chi Life gắn kết lâu dài. Ông Vũ Văn Đ có hỏi mượn riêng thêm Hai mươi bốn triệu chẵn (24.000.000đ) còn hứa khi nào tôi cần, ông sẽ trả lại bất cứ lúc nào, tôi đòi khi cần. Đến ngày 15.01.2017 thì vợ ông Vũ Văn Đ có nhận trả cho tôi đúng theo lời hứa, vậy vợ chồng ông Vũ Văn Đ làm giấy này để khất nợ, nhận trả đúng kỳ hẹn. Ngày 22.01.2017"* có chữ ký và chữ viết của vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị L, bà L cam kết "*Em L cuối tháng ba trả tiền cho chị P và ký tên, ghi cả họ và tên*" (bút lục 29). Ông Đ, bà L đều thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy nhận nợ là của bà L nhưng cho đến nay vẫn chưa trả số tiền cho bà P như đã cam kết, bên cạnh đó bà P còn cung cấp cho Tòa án đĩa ghi âm, nội dung cuộc hội thoại trong đĩa ghi âm thì ông Đ cũng thừa nhận đó là giọng nói của ông và của bà L. Nội dung cuộc hội thoại cũng thể hiện bà L cam kết trả tiền cho bà P có sự chứng kiến của ông Đ.

Ông Đ cho rằng ông chỉ là người bán bảo hiểm cho bà P và ông không mượn tiền của bà P, đến khoảng tháng 6/2017 khi bà P tố cáo ông đến UBND xã P2 thì ông mới biết việc ông nợ số tiền 24.000.000đ. Đối với lời trình bày của ông Đ là không có cơ sở bởi lẽ trong đĩa ghi âm nội dung cuộc hội thoại bà P cung cấp đã thể hiện việc bà P đến nhà ông yêu cầu trả tiền thì vợ ông cũng đồng ý trả và có cả ông chứng kiến (nội dung cuộc ghi âm có lời trình bày của ông Đ). Ông Đ cho rằng vợ ông không biết ông có mượn tiền hay không khi nghe bà P nhờ ký xác nhận thì cũng đồng ý ký tên vào như vậy là không hợp lý bởi lẽ, theo ông trình bày văn hóa của bà L học hết lớp 6/12 là người biết đọc, biết viết nên khi ký xác nhận giấy nhận nợ do bà P yêu cầu thì bà L phải biết nội dung cụ thể như thế nào sau đó mới đồng ý ký xác nhận, đồng thời bà L không chỉ ký tên, ghi cả họ và tên mà bà L còn cam kết "*Em L cuối tháng ba trả tiền cho chị P*". Tại buổi đối chất ngày 09/4/2018 thì ông Đ lại cho rằng tiền bà P yêu cầu ông phải trả là tiền bà P chơi Bitkingdom chứng minh cho yêu cầu của mình ông Đ có giao nộp một tấm hình chụp bà P trên tay bà P đang cầm chứng minh nhân dân và thẻ Bitkingdom (Bút lục 67). Với chứng cứ trên không thể hiện nội dung việc thỏa thuận gì giữa các bên, ngoài ra ông Đ không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho số tiền bà P yêu cầu

ông phải trả là tiền bà P chơi Bitkingdom do đó lời trình bày của ông không đủ cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, việc giữa bà P và ông Đ có sự xác lập giao dịch với nhau là hoàn toàn có thật và đã xảy ra trên thực tế, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Khi đến hạn trả nợ ông Đ không chịu trả tiền cho bà P mặc dù bà P có yêu cầu nhiều lần, ông Đ, bà L không thực hiện việc trả tiền cho cho bà P là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Xét yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi của số tiền vay gốc nêu trên: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi tính từ cuối tháng 3/2017 đến ngày xét xử. Xét thấy, tuy hai bên không có thỏa thuận về lãi suất khi vay nhưng nay bà P yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định.

Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".*

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Cụ thể: Cuối tháng 3/2017 đến ngày 30/5/2018 là 14 tháng (làm tròn),

Lãi suất được tính như sau: 20%/ 12 tháng(năm)/1/2 =0.833% tháng.

Thành tiền là 24.000.000đ **x** 0,833%/tháng **x** 14 tháng = 2.799.999đ (làm tròn 2.800.000 đ).

[5]. Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Căn cứ các điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39, 235, 243, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Chu Thị P đối với ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Chu Thị P số tiền vay còn nợ là 24.000.000đ và 2.800.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Vũ Văn Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.340.000đ.

Hoàn trả lại cho bà Chu Thị P 620.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 005643 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nam

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS – LT.*